



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 4

Số 39 (15/4/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
THÀNH PHỐ		
31-3-2008	Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh.	3
01-4-2008	Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010.	7
03-4-2008	Quyết định số 27/2008/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố.	21
03-4-2008	Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa VIII) về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.	34

QUẬN 9

- 18-3-2008 - Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu bổ sung dự toán ngân sách phường năm 2008. 48

HUYỆN HÓC MÔN

- 26-3-2008 - Chỉ thị số 03/2008/CT-UBND về việc tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên từ năm 1996 đến 2008. 51

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức vận động đóng góp, quản lý và sử dụng
Quỹ quốc phòng, an ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Dân quân tự vệ số 19/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2132/STC-NS ngày 03 tháng 3 năm 2008 về điều chỉnh quy chế thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 96/2001/QĐ-UB ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự thành phố, Giám đốc

Công an thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về tổ chức vận động đóng góp, quản lý và sử dụng
Quỹ quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Điều 1. Quỹ quốc phòng, an ninh là quỹ có nguồn thu từ sự đóng góp của nhân dân, cơ quan, tổ chức dưới hình thức vận động, tự nguyện, được thành lập theo quy định của Pháp lệnh Dân quân tự vệ số 19/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp vận động nhân dân, cơ quan tổ chức tùy theo khả năng đóng góp xây dựng Quỹ quốc phòng, an ninh. Ủy ban nhân dân các cấp không giao chỉ tiêu huy động cho cấp dưới, không gán việc huy động đóng góp với các dịch vụ công mà người dân được hưởng.

Điều 2. Đối tượng vận động đóng góp của Quỹ quốc phòng, an ninh là các hộ dân và các cơ quan, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội.

Điều 3. Quỹ quốc phòng, an ninh được sử dụng chi cho công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh ở địa phương và được phân phối sử dụng như sau:

Trích 5% trên tổng số thu để bồi dưỡng cho người trực tiếp đi thu.

Số còn lại sử dụng vào việc chi hoạt động củng cố, phát triển mạng lưới quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Điều 4. Phương thức vận động đóng góp Quỹ quốc phòng, an ninh: Vận động sự đóng góp tự nguyện của các hộ dân và các cơ quan, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trên địa bàn Thành phố.

Điều 5. Việc thu Quỹ quốc phòng, an ninh phải sử dụng biên lai thu theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính do cơ quan tài chính phát hành.

Điều 6. Các trường hợp sau đây được Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn miễn vận động đóng góp Quỹ quốc phòng, an ninh:

6.1. Hộ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sỹ, thương binh.

6.2. Hộ xóa đói giảm nghèo, già neo đơn.

6.3. Gia đình có con em tham gia thực hiện nghĩa vụ trong lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân và lực lượng dân quân thường trực.

Điều 7.

Quỹ quốc phòng, an ninh do Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn trực tiếp quản lý và sử dụng. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn xây dựng dự toán thu và kế hoạch sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Việc quản lý sử dụng quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn phải thực hiện công khai tài chính và kết quả thu, quản lý sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh theo đúng quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 về hướng dẫn công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Điều 8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện thu và quản lý sử dụng Quỹ quốc phòng, an ninh của phường - xã - thị trấn trên địa bàn. Định kỳ ngày 31 tháng 12 hàng năm thực hiện báo cáo kết quả thu chi quỹ cho Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố và Sở Tài chính./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 277/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006 - 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách đầu tư hạ tầng nông nghiệp - nông thôn phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1543/SNN-KHTC ngày 05 tháng 11 năm 2007 về việc phê duyệt chương trình vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2008 - 2010; Ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 10568/STC-ĐTSC ngày 15 tháng 10 năm 2007 về kế hoạch kinh phí thực hiện chương trình vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2008 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010.

Điều 2.

1. Giao nhiệm vụ Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các quận - huyện, sở - ngành, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành

phố và các đoàn thể để triển khai thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn đã được phê duyệt.

- Chỉ đạo Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể để triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, nhiệm vụ mục tiêu Chương trình.

- Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác khảo sát, lập dự án vệ sinh môi trường nông thôn (theo Văn bản số 4060/UBND-CNN ngày 16 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố), nghiệm thu, quyết toán theo đúng quy định.

2. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Bố trí kế hoạch vốn hàng năm và cấp phát đủ kinh phí để thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn theo tiến độ, hướng dẫn sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng thủ tục, chế độ quy định.

- Chuyển ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển đô thị cho Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố cho hộ nông dân vay để xây dựng nhà vệ sinh, hầm biogas là 20.000 triệu đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn vùng ngoại thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2008 - 2010

1. Nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 277/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố nhằm khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm, vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở khu vực nông thôn ngoại thành theo chiến lược phát triển kinh tế, xã hội lâu dài của Thành phố. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Phát huy nội lực của toàn xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, Nhà nước và nhân dân cùng làm để thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển các dịch vụ vệ sinh môi trường tại vùng nông thôn ngoại thành phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thành phố;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông để tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia;

- Tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; tham quan, học tập kinh nghiệm, xây dựng các mô hình về vệ sinh môi trường...

- Nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân qua các biện pháp quản lý nhà nước đối với việc quản lý nước thải, chất thải trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp

nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi; quản lý chất lượng nước các sông rạch khu vực nông thôn và vùng sản xuất nông nghiệp; các giải pháp về vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức sản xuất nông sản sạch, nhất là rau an toàn, ứng dụng mạnh tiêu chuẩn GAP trong sản xuất.

2. Mục tiêu:

Phấn đấu đến năm 2010:

- 100% số hộ dân khu vực nông thôn ngoại thành có nhà tiêu hợp vệ sinh (mục tiêu của TW: 70%).

- 80% hộ và cơ sở chăn nuôi xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh, có công trình xử lý chất thải (mục tiêu của TW: 70%).

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các làng nghề (làng nghề bánh tráng, đan lát ở Củ Chi, nuôi và chế biến da cá sấu ở quận 12, nghề muối xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ).

- Đối tượng cần tập trung, ưu tiên: nhà tiêu hợp vệ sinh, xử lý chất thải chăn nuôi cho các hộ nghèo, gia đình chính sách ở vùng nông thôn ngoại thành.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Đối tượng thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn:

- Tất cả các hộ dân và cơ sở chăn nuôi gia súc trên địa bàn thành phố, nhất là vùng nông thôn ngoại thành, có trên 20 con heo hoặc 5 con trâu, bò; chưa có nhà vệ sinh hoặc có nhà vệ sinh chưa đạt tiêu chuẩn về môi trường.

- Đối tượng hộ gia đình ưu tiên:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn không phân biệt ngành nghề (kể cả trong diện xóa đói giảm nghèo), gia đình chính sách.

+ Các xã thực hiện phát triển nông thôn toàn diện, các làng nghề, xã thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp quy mô toàn xã.

- Các trường học, trạm y tế: đầu tư theo dự án riêng.

2. Địa bàn thực hiện:

- 5 huyện:

+ Huyện Củ Chi: 20 xã và thị trấn Củ Chi;

+ Huyện Hóc Môn: 7 xã (gồm: Tân Hiệp, Nhị Bình, Đông Thạnh, Tân Thới Nhì, Thới Tam Thôn, Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng);

+ Huyện Bình Chánh: 13 xã (trừ thị trấn Tân Túc, xã Bình Hưng, An Phú Tây vì đã có kế hoạch đô thị hóa);

+ Huyện Nhà Bè: 5 xã (gồm: Phước Kiển, Nhơn Đức, Long Thới, Phước Lộc, Hiệp Phước);

+ Huyện Cần Giờ: 5 xã (gồm: Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Lý Nhơn, Long Hòa) và thị trấn Cần Thạnh; trừ xã Thạnh An đang có kế hoạch di dời 1.096 hộ dân;

- Các quận có sản xuất nông nghiệp: quận 2, 7, 9, 12, Thủ Đức, Bình Tân.

Tổng số: 11 quận - huyện với 50 xã và 25 phường, thị trấn (kể cả 43 phường - xã được đầu tư bổ sung để thực hiện mục tiêu của Thành phố).

III. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC, KINH PHÍ ĐẦU TƯ:

1. Khối lượng công tác:

1.1. Công tác truyền thông, vận động xã hội:

1.1.1. In, phát hành tài liệu (dạng tờ bướm) để hướng dẫn, thông tin cho các hộ dân vùng nông thôn biết về các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường, chiến lược bảo vệ môi trường của Chính phủ và Thành phố; chính sách, cơ chế hỗ trợ, đầu tư của Trung ương và Thành phố; kỹ thuật xây dựng và vận hành, khai thác có hiệu quả hầm biogas; sử dụng khí biogas trong sản xuất và sinh hoạt, nước, chất thải và chất bã (phân lên men) trong sản xuất nông nghiệp: 30.000 - 40.000 tờ/năm.

1.1.2. Biên tập, đưa tin đăng các báo, phát trên Đài Phát thanh, Đài Truyền hình thành phố, Đài Phát thanh xã - phường: bình quân 3 lần/tháng tập trung cao điểm Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường thế giới hàng năm (từ ngày 20 tháng 4 đến ngày 05 tháng 6 hàng năm).

1.1.3. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm.

1.2. Công tác tập huấn nghiệp vụ:

1.2.1. Tập huấn kiến thức chung về sức khỏe và vệ sinh môi trường, phát triển cộng đồng:

- Về sức khỏe và vệ sinh môi trường:

▪ Tổ chức ở các phường, thị trấn: bình quân 2 lớp/phường, thị trấn; ở các xã: bình quân 5 lớp/xã.

▪ Số lớp tập huấn: 300 lớp, trong đó:

+ 25 phường, thị trấn x 2 lớp = 50 lớp

+ 50 xã x 5 lớp = 250 lớp

- Về huấn luyện phát triển cộng đồng: 75 phường, xã, thị trấn x 1 lớp = 75 lớp

1.2.2. Tập huấn về kỹ thuật xây dựng, lắp đặt hầm/túi biogas: huyện Củ Chi: 4 lớp, Hóc Môn: 3 lớp, Bình Chánh: 3 lớp, Nhà Bè: 1 lớp, Cần Giờ: 1 lớp, Bình Tân: 1 lớp, quận 12: 1 lớp). Tổng cộng 14 lớp.

1.2.3. Tập huấn về vận hành, bảo dưỡng hầm biogas:

- Các phường, thị trấn: 1 lớp/phường x 25 phường = 25 lớp

- Các xã: 2 lớp/xã x 40 xã; Nhà Bè, Cần Giờ: mỗi xã tổ chức 1 lớp.

Tổng số lớp tập huấn: 25 lớp + 40 xã x 2 lớp + 10 xã x 1 lớp = 115 lớp.

1.2.4. Tập huấn về sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp: kết hợp với hoạt động bảo vệ thực vật, tổ chức tập huấn kỹ thuật sử dụng an toàn, hợp lý, có hiệu quả các loại hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản:

- Đối tượng: 50 xã thuộc 5 huyện và 20 phường của các quận 2, 9, 12, Thủ Đức, Bình Tân. Tổng số: 70 phường - xã.

- Số lượng lớp tập huấn: tổng cộng 120 lớp.

▪ 2 lớp/xã x 50 xã = 100 lớp

▪ 1 lớp/phường x 20 phường = 20 lớp

1.2.5. Tập huấn, hướng dẫn về chế độ, chính sách đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước; vay tín dụng để xây dựng công trình vệ sinh môi trường:

Các xã: 2 lớp/xã x 50 xã = 100 lớp

Phường, thị trấn: 1 lớp/phường x 25 phường, thị trấn = 25 lớp

Tổng cộng: 125 lớp.

1.3. Xây dựng mô hình trình diễn, ứng dụng khoa học kỹ thuật:

1.3.1. Đối tượng xây dựng mô hình:

Các phường - xã trong quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi gia súc thành phố giai đoạn 2006 - 2010.

Các phường - xã trong dự án vệ sinh môi trường 2002 - 2006 (chưa được xây dựng mô hình phù hợp).

1.3.2. Dự kiến xây dựng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo tại 45 phường - xã và 30 phường - xã chăn nuôi bò. Mỗi phường - xã xây dựng 01 hầm biogas/loại gia súc (tổng số 75 mô hình).

1.3.3. Kết hợp hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật để xây dựng mô hình trình diễn về sản xuất sạch, sử dụng nước và chất bã hầm biogas, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn:

- Thu gom bao bì, vỏ thuốc bảo vệ thực vật: 75 phường - xã - thị trấn.

- Xây dựng điểm trình diễn sử dụng nước, chất bã từ biogas, thuốc vi sinh, sản xuất sạch tại 75 phường - xã - thị trấn; quy mô 1 ha/mô hình; 2 mô hình/xã; 1 mô hình/phường - thị trấn; tổng cộng 125 mô hình.

1.4. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá vệ sinh môi trường nông thôn:

- Thường xuyên và định kỳ tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các hộ dân đầu tư xây dựng công trình vệ sinh môi trường.

- Kiểm tra, lấy mẫu, phân tích chất lượng các nguồn nước và tình trạng vệ sinh môi trường nông thôn: địa bàn 60 phường - xã; phân tích mẫu các nguồn nước 2 đợt/năm, trong 4 năm.

- Nghiệm thu, đánh giá công trình, thực hiện chính sách hỗ trợ.

1.5. Xây dựng, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh:

- Theo số liệu sơ bộ về điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2006, số hộ chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh: 37.663 hộ (kể cả 1.549 hộ không sử dụng nhà tiêu).

- Ngoài số hộ điều kiện tăng thu nhập (do chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi ngành nghề phi nông nghiệp), tự cải tạo, nâng cấp nhà ở (có nhà tiêu hợp vệ sinh): dự kiến số hộ cần được hỗ trợ, vận động xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh giai đoạn 2008 - 2010: 26.103 hộ.

1.6. Xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi, biogas:

Dự kiến đến năm 2010:

- Số hộ chăn nuôi heo: 9.600 hộ, trong đó khoảng 7.250 hộ có quy mô chăn nuôi từ 20 con trở lên.

- Số hộ chăn nuôi trâu bò: 11.800 hộ, trong đó có trên 7.040 hộ có quy mô chăn nuôi trên 5 con.

- Số hộ chăn nuôi đủ điều kiện xây dựng hầm biogas: 14.290 hộ. Dự kiến khoảng 80% số hộ đầu tư xây dựng hầm biogas: 11.223 hộ, trong đó:

+ Xây dựng mô hình: 75 hộ.

+ Tự đầu tư: 11.148 hộ (chăn nuôi heo: 5.756 hộ, chăn nuôi trâu, bò: 5.392 hộ).

2. Dự kiến kinh phí đầu tư: tổng cộng 266.971,24 triệu đồng.

Trong đó:

Ngân sách đầu tư: 66.925,78 triệu đồng.

- Chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu lập dự án: 350 triệu đồng;

- Chi phí các hoạt động nghiệp vụ, quản lý nhà nước: 9.357,44 triệu đồng;

- Kinh phí ngân sách hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh nông thôn: 57.218,34 triệu đồng. Bao gồm:

+ Hỗ trợ đầu tư: 21.589,2 triệu đồng;

+ Hỗ trợ lãi vay: 33.961,14 triệu đồng;

+ Chi phí quản lý của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố: 1.668 triệu đồng.

Hộ dân đầu tư: 200.045,46 triệu đồng thông qua vốn vay tín dụng ngân hàng, vay Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố:

+ Xây dựng nhà vệ sinh: 99.713,46 triệu đồng.

+ Xây dựng hầm biogas: 100.332 triệu đồng.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

1. Giải pháp về nâng cao nhận thức cộng đồng:

- Tổ chức các lớp tập huấn, huấn luyện chung và chuyên sâu trong từng lĩnh vực về sức khỏe và vệ sinh môi trường trong sản xuất và sinh hoạt hàng ngày.

- In và phát hành tờ bướm đến địa phương, địa bàn đang và có nguy cơ phát sinh ô nhiễm, các hộ dân vùng ô nhiễm hoặc chưa có công trình nước sạch, có nhà tiêu chưa đạt yêu cầu vệ sinh môi trường, các hộ chăn nuôi gia súc...

- Viết bài, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng (các báo), phát trên Đài Phát thanh, Đài Truyền hình thành phố.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về nước sạch, Vệ sinh môi trường nông thôn, ngày môi trường thế giới hàng năm.

- Xây dựng các mô hình trình diễn để nhân dân học tập kinh nghiệm.

2. Giải pháp về kỹ thuật, khoa học, công nghệ:

2.1. Nghiên cứu hoàn chỉnh thiết kế mẫu kết cấu xây dựng các công trình biogas, chuồng trại chăn nuôi (theo quy mô chăn nuôi: 10 - 20 con, 20 - 50 con, trên 50 con...) để xây dựng các công trình biogas phù hợp, khai thác có hiệu quả. Thiết kế mẫu các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh phù hợp với từng vùng như vùng cao, không ảnh hưởng triều cường (Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh...), vùng thấp bị ảnh hưởng triều cường (ven sông, Nhà Bè, Cần Giờ); hướng dẫn hộ dân lựa chọn phù hợp với điều kiện tự nhiên, nhu cầu sử dụng, tập quán, văn hóa của nhân dân địa phương. Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình xử lý chất thải của các làng nghề (4 làng nghề).

2.2. Nghiên cứu, ban hành các quy định về xây dựng công trình vệ sinh môi trường khu vực nông thôn.

Nghiên cứu, ban hành điều kiện để chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm, đảm bảo các tiêu chuẩn về phòng, chống dịch, vệ sinh môi trường, có công trình xử lý chất thải, nước thải. Tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các điều kiện cần thiết, xử lý kịp thời các vi phạm để đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Một số điều kiện cần thiết đối với các hộ chăn nuôi là phải có chuồng trại hợp quy cách và vệ sinh môi trường:

- Chuồng có nền được kiên cố hóa đảm bảo nước thải không thấm xuống sâu ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm;

- Có đường ống dẫn nước thải ra đường thoát nước chung của khu vực; xây dựng đường cống ngầm trong khu dân cư (không được sử dụng kênh hở để giảm mùi hôi);

- Có công trình xử lý chất thải của gia súc, gia cầm.

Các công trình xử lý chất thải phải được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định (kết cấu, quy mô, khoảng cách ly đối với nơi ở, sinh hoạt...).

2.2.1. Việc xây dựng nhà vệ sinh phải đảm bảo các nguyên tắc, yêu cầu cơ bản, tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của Bộ Y tế (Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11 tháng 3 năm 2005).

- Không để phân, nước thải thải ra môi trường xung quanh (ruộng vườn, kênh rạch...);

- Phù hợp với phong tục, tập quán, địa hình, địa chất khu dân cư;

- Không để bốc mùi hôi, thổi ra môi trường;
- Kín đáo, tiện lợi;
- Dễ thi công, sử dụng được tối đa nguồn vật liệu sẵn có;
- Giá thành phù hợp;
- Kết cấu nhà tiêu hợp vệ sinh: nên sử dụng loại tự hoại hoặc bán tự hoại (kết cấu theo bản vẽ đính kèm) và phù hợp với các vùng sinh thái: vùng cao, vùng thấp bị ảnh hưởng nước triều sông rạch.

2.2.2. Công trình xử lý chất thải chăn nuôi; biogas:

Các hộ chăn nuôi phải có nơi ủ phân theo phương pháp truyền thống còn phải xây dựng công trình biogas để giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường kết hợp sản xuất phân bón và cung cấp năng lượng cho sinh hoạt hàng ngày.

- Hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas cần đảm bảo các tiêu chí:
 - + Có trên 5 con bò hoặc 20 con heo;
 - + Có chuồng trại cố định, hầm biogas xây dựng cách chuồng chăn nuôi không quá 20m, tốt nhất khoảng 5m;
 - + Vật nuôi phải nhốt trong chuồng vào ban đêm, ít nhất 12 giờ/ngày;
 - + Có đường cống thoát nước thải từ chuồng vào hầm biogas;
 - + Có nguồn nước quanh năm;
 - + Khu vực sử dụng khí biogas (bếp nấu) cách hầm biogas không quá 100m;
 - + Hộ chăn nuôi phải có thời gian, nhân công để chăm sóc, bảo dưỡng và đặc biệt là phải quan tâm đến việc sử dụng khí đốt biogas; phân đã phân hủy, vấn đề giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Hầm biogas cần có các bộ phận chính:

- + Ngăn trộn: nơi phân động vật được trộn với nước trước khi đổ vào hầm phân hủy;
- + Hầm phân hủy: nơi phân và nước bị phân hủy lên men;
- + Bể áp lực: để thu nhận phân, bùn cặn.

Lựa chọn kết cấu, công nghệ biogas:

- + Khuyến khích các hộ chăn nuôi lựa chọn, xây dựng hầm biogas kiểu Thái Lan

- Đức; tuy giá thành cao hơn nhưng đảm bảo an toàn, phòng, chống cháy nổ, áp lực khí ổn định, diện tích mặt bằng phù hợp.

+ Quy mô: thể tích hầm biogas cần thiết bình quân $1\text{m}^3/1$ trâu bò; $1\text{m}^3/3 - 5$ con heo.

2.3. Xây dựng mô hình, chuyển giao kỹ thuật:

- Hướng dẫn thực hành về xây dựng, vận hành, khai thác có hiệu quả các loại hầm biogas với nguyên liệu phù hợp; sử dụng phân vi sinh và sử dụng hợp lý các loại thuốc bảo vệ thực vật.

- Nên chọn mô hình hầm biogas theo thiết kế kiểu Thái Lan - Đức; mỗi phường-xã có trên 10 hộ chăn nuôi với quy mô trên 10 trâu, bò/hộ, trên 20 heo/hộ. Xây dựng 2 mô hình/phường - xã (1 biogas cho hộ chăn nuôi trâu, bò, 1 biogas cho hộ chăn nuôi heo).

- Mô hình kỹ thuật sử dụng phân vi sinh: 1 ha/mô hình/xã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản xuất rau an toàn.

3. Giải pháp về vốn:

3.1. Vốn ngân sách thành phố:

- Đầu tư các hoạt động nghiệp vụ và quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường khu vực nông thôn trong công tác tập huấn, vận động, tuyên truyền giáo dục cộng đồng; nghiên cứu, cải tiến quy trình, công nghệ về vệ sinh môi trường, xây dựng các mô hình trình diễn, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường thế giới hàng năm; kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình.

- Hỗ trợ một phần vật tư và toàn bộ lãi suất ngân hàng đối với các hộ dân vay vốn để xây dựng các công trình vệ sinh môi trường nông thôn theo Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố.

3.2. Vốn tín dụng, vốn khác:

- Các hộ dân, cơ sở chăn nuôi xây dựng các công trình nhà tiêu hợp vệ sinh, xây dựng biogas được vay nguồn vốn tín dụng các ngân hàng, các quỹ hỗ trợ của thành phố, vốn ngân sách giao Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố: được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay.

- Các tổ chức, đoàn thể, các tổ chức tín dụng, ngân hàng cần triển khai các hình thức vay vốn phù hợp với điều kiện, đối tượng hộ vay, vận dụng quy định của ngân

hàng (có thể thế chấp tài sản, vay bằng tín chấp, vay theo dự án sản xuất có công trình xử lý chất thải, môi trường), đồng thời kiểm tra, giám sát việc vay, sử dụng vốn đúng mục đích, thanh toán đúng kỳ hạn.

- Các Sở - ngành, đoàn thể, địa phương cần huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, các quỹ khác phục vụ xây dựng công trình vệ sinh môi trường nông thôn.

- Các hộ, cơ sở chăn nuôi vận dụng chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố (Điều 4) để xây dựng mới, cải tiến chuồng trại chăn nuôi, xây dựng công trình xử lý chất thải.

- Tổ chức vận động sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức phi Chính phủ (NGO) để tăng nguồn lực đầu tư, xây dựng công trình vệ sinh môi trường khu vực nông thôn ngoại thành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Cơ quan chủ quản Chương trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đơn vị thực hiện Chương trình: Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.

3. Đơn vị phối hợp: Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, các sở - ngành, quận huyện và đơn vị liên quan.

4. Địa điểm thực hiện: vùng nông thôn ngoại thành.

5. Thời gian: 2008 - 2010.

6. Phân công tổ chức thực hiện:

6.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở - ngành liên quan, các đoàn thể (nhất là Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Hội Nông dân thành phố), Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn.

- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện, đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ đầu tư các công trình vệ sinh môi trường nông thôn kịp thời, đúng quy định.

6.2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Bố trí và giao kế hoạch vốn hàng năm, đảm bảo đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn 2008 - 2010.

- Chuyển ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển đô thị cho Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố cho các hộ nông dân vay để xây dựng nhà vệ sinh, hầm biogas 20.000 triệu đồng; Cấp kinh phí quản lý cho Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố thực hiện việc phát vay, thu hồi vốn trả lại ngân sách.

- Hướng dẫn Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố và các quận - huyện, các đơn vị liên quan tiếp nhận, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định.

6.3. Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn điều tra, khảo sát, xây dựng dự án đầu tư nhà vệ sinh trong các trường học, trạm y tế, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, triển khai thực hiện, đảm bảo mục tiêu của Chương trình.

6.4. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố:

- Chỉ đạo các cấp hội ở địa phương phối hợp với các đơn vị liên quan và quận - huyện, phường - xã thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng các công trình vệ sinh môi trường nông thôn.

- Phối hợp với Sở Tài chính lập phương án, thủ tục tiếp nhận nguồn vốn vay ngân sách 20 tỉ đồng (lãi suất 0%); tổ chức cho các hộ dân, cơ sở chăn nuôi vay lại, thu hồi trả lại ngân sách trong năm 2011.

6.5. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

- Phân công và chỉ đạo các phòng, ban chức năng, Ủy ban nhân dân các phường-xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân và các hộ chăn nuôi trên địa bàn thực hiện đầu tư xây dựng các công trình vệ sinh môi trường nông thôn đảm bảo mục tiêu Chương trình.

- Phối hợp với các sở - ngành thành phố hướng dẫn các hộ dân, cơ sở chăn nuôi lập hồ sơ, thủ tục vay vốn theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố; để xây dựng công trình vệ sinh môi trường nông thôn đúng mục đích, hiệu quả.

- Hàng năm, lập và đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ lãi vay; kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng xây dựng các công trình vệ sinh môi trường nông

thôn (nhà vệ sinh, biogas), việc tiếp nhận và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ lãi vay đúng mục đích của Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn.

6.6. Ủy ban nhân dân phường - xã:

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân, các cơ sở chăn nuôi gia súc trên địa bàn xây dựng công trình vệ sinh nông thôn.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng để hướng dẫn nhân dân đăng ký, tổng hợp danh sách các hộ xây dựng công trình vệ sinh môi trường nông thôn, báo cáo quận - huyện để thực hiện hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ lãi vay theo chủ trương của Thành phố và trình tự, thủ tục quy định.

Thành phố đã và đang thực hiện nhiều chủ trương, chính sách để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ngoại thành. Thành phố càng phát triển, nhu cầu về môi sinh, môi trường sống xanh, sạch, đẹp ngày càng trở thành một trong những nhu cầu cấp thiết của mọi người, nhất là ở khu vực nông thôn, ngoại thành. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các Sở - ngành, đoàn thể tổ chức triển khai Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2008 - 2010 theo kế hoạch cụ thể, vận động các cấp, các cơ sở và mọi người dân tích cực tham gia, đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu Chương trình để môi sinh, môi trường vùng nông thôn, ngoại thành ngày càng tốt hơn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Sở Tư pháp thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2005/TTLT/BTP-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác tư pháp ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4310/QĐ-UB-NCVX ngày 20 tháng 12 năm 1994 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở, cơ quan ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 27 tháng 3 năm 1982 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 200/TTr-STP-TC ngày 18 tháng 01 năm 2008 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 149/TTr-SNV ngày 12 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 32/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2008/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố về: Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, công chứng, chứng thực, hộ tịch, quốc tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài, lý lịch tư pháp, luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, giám định tư pháp, hòa giải ở cơ sở, bán đấu giá tài sản liên quan đến thi hành án, trọng tài thương mại, thi hành án dân sự và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công tác tư pháp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp có tên giao dịch bằng tiếng Anh: THE DEPARTMENT OF JUSTICE OF HO CHI MINH CITY.

Trụ sở làm việc của Sở Tư pháp đặt tại: số 141 - 143 Pasteur, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Tư pháp chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Sở Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau

1. Về quy hoạch và kế hoạch:

Trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về lĩnh vực quản lý của Sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó sau khi được phê duyệt.

2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tư vấn pháp luật:

a) Phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan chuyên môn có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, điều chỉnh chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, các Ban có liên quan của Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố lập dự thảo Dự kiến chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý công tác tư pháp ở thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ.

d) Tham gia soạn thảo các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan chuyên môn khác của Ủy ban nhân dân chủ trì soạn thảo theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Thẩm định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án Luật, Pháp lệnh theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

h) Thực hiện tư vấn pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp.

i) Thực hiện tư vấn pháp luật theo đề nghị của các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện đối với những vụ việc liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết của Sở.

3. Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật ở thành phố.

b) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

c) Tổ chức phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ những văn bản trái pháp luật, hoặc không phù hợp tình hình kinh tế - xã hội.

d) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật; chủ trì kiểm tra văn bản trong lĩnh vực hoạt động tư pháp.

e) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra văn bản; tổ chức và quản lý đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản của thành phố.

g) Tổ chức mạng lưới thông tin, tham gia xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc kiểm tra văn bản.

h) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật.

4. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải ở cơ sở:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật dài hạn, hàng năm ở địa phương; phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Là cơ quan Thường trực của Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố.

c) Biên soạn, phát hành các tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại thành phố.

d) Xây dựng, bồi dưỡng, quản lý tổ chức các hoạt động xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật thành phố.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật ở phường - xã, thị trấn và ở các cơ quan, đơn vị khác của thành phố theo quy định của pháp luật.

g) Hướng dẫn, kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở của thành phố theo quy định của pháp luật.

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thông tin giúp Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc xây dựng hương ước, quy ước của ấp, cụm dân cư phù hợp quy định của pháp luật và thực tế ở địa phương.

5. Quản lý công tác pháp chế ngành:

Chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế của các sở - ngành, doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Công tác hỗ trợ - hành chính - tư pháp:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn thành phố:

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố đề án phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương, tổ chức thực hiện đề án sau khi được phê duyệt.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thành lập, giải thể Phòng Công chứng; trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của các Phòng Công chứng.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề công chứng.

- Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo đúng quy định pháp luật trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép thành lập.

- Tổ chức việc cấp, thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng và cung cấp thông tin cho các cơ quan có liên quan theo quy định pháp luật.

- Thực hiện đăng ký tập sự hành nghề công chứng.

- Đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên theo quy định của Luật Công chứng.

- Quyết định tạm đình chỉ, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng đối với công chứng viên.

- Chỉ định Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng tiếp nhận việc lưu trữ hồ sơ công chứng của các Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng đã giải thể, chấm dứt hoạt động.

- Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công chứng, chứng thực.

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

b) Về quản lý các tổ chức hành nghề luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật:

- Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép thành lập, giải thể Đoàn Luật sư, phê duyệt Điều lệ Đoàn Luật sư theo quy định pháp luật.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại thành phố.

- Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, Giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật; giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu các tổ chức hành nghề luật sư báo cáo tình hình hoạt động.

- Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam, đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tiếp nhận, lưu trữ các thông báo đặt cơ sở và chấm dứt hoạt động của cơ sở hành nghề luật sư ở nước ngoài của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, theo dõi việc thuê luật sư nước ngoài của tổ chức hành nghề luật sư.

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng tư vấn pháp luật cho các tư vấn viên pháp luật.

c) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác giám định tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân thành phố thành lập tổ chức giám định tư pháp theo quy định pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; lựa chọn người giám định tư pháp theo vụ việc để Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Bộ Tư pháp xác lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc.

- Lập hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

- Phối hợp với Sở chuyên môn quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với hoạt động trọng tài thương mại:

- Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Trung tâm trọng tài.

- Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài cho cơ quan Nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với hoạt động bán đấu giá tài sản theo quy định pháp luật:

- Trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố.

g) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách:

- Trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.

- Chủ động phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện và các tổ chức chính trị - xã hội quản lý hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người thực hiện trợ giúp pháp lý.

h) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác hộ tịch, quốc tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài và lý lịch tư pháp:

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở thành phố.

- Chịu trách nhiệm giải quyết các công việc về hộ tịch, quốc tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật, theo ủy quyền của Bộ Tư pháp và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cấp Phiếu lý lịch tư pháp và chịu trách nhiệm việc cập nhật nội dung Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định pháp luật.

7. Về công tác thi hành án dân sự:

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự của thành phố; thực hiện quản lý một số mặt về công tác tổ chức, cán bộ của Thi hành án dân sự thành phố và Thi hành án dân sự quận - huyện theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

8. Về công tác cải cách hành chính:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố:

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện nội dung cải cách thể chế trong chương trình cải cách hành chính của thành phố.

- Tổ chức thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình rà soát biểu mẫu, thủ tục hành chính theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Công tác cải cách hành chính tại Sở Tư pháp:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp.

- Rà soát các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động của ngành tư pháp để đánh giá sự phù hợp; đánh giá sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định không phù hợp.

- Nghiên cứu, xây dựng các đề án cải cách hành chính của Sở Tư pháp.

- Thực hiện các biện pháp kiện toàn và hoàn thiện tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

c) Ứng dụng công nghệ tin học vào các hoạt động của Sở Tư pháp.

9. Về công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp:

Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền quản lý của Sở hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp đúng quy định pháp luật.

10. Các công tác khác:

a) Quản lý nhà nước đối với các hội và tổ chức phi Chính phủ có tư cách pháp nhân hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp.

b) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản công; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở theo quy định pháp luật.

c) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định pháp luật, theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tư pháp.

d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về tư pháp.

e) Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Sở Tư pháp làm việc theo chế độ Thủ trưởng. Giám đốc Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm; Giám đốc Sở chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật trước Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tư pháp và trước pháp luật; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố khi được yêu cầu.

Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc; các Phó Giám đốc được Giám đốc phân công phụ trách giải quyết một số lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những lĩnh vực công tác được phân công.

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm (trừ Tổng biên tập Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh). Các chức danh khác của Sở Tư pháp do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố và ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

a) Sở Tư pháp có Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và các phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện theo đúng quy định Nhà nước.

Nhiệm vụ và biên chế của các phòng chuyên môn do Giám đốc Sở Tư pháp quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp.

Khi cần thiết, Giám đốc Sở Tư pháp trao đổi, thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc thành lập, sáp nhập, điều chỉnh số lượng các phòng chuyên môn thuộc Sở. Riêng tổ chức Thanh tra Sở thực hiện theo Luật Thanh tra.

b) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp:

b.1) Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.

b.2) Đơn vị sự nghiệp có thu:

- Phòng Công chứng số 1;

- Phòng Công chứng số 2;

- Phòng Công chứng số 3;

- Phòng Công chứng số 4;

- Phòng Công chứng số 5;

- Phòng Công chứng số 6;

- Phòng Công chứng số 7;

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh (sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động).

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Tư pháp sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thành lập mới hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp.

2. Đối với Thi hành án dân sự thành phố và Thi hành án dân sự 24 quận - huyện, Sở Tư pháp thực hiện quản lý một số mặt về công tác tổ chức, cán bộ theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Biên chế của Sở Tư pháp được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Sở Tư pháp.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Tư pháp

Sở Tư pháp chịu sự chỉ đạo và quản lý về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Tư pháp và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về các lĩnh vực công tác được Bộ Tư pháp phân cấp quản lý cho Sở. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn cho Bộ Tư pháp theo chế độ báo cáo công tác định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp về công tác chuyên môn. Tham dự các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ Tư pháp triệu tập.

Về các chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ Tư pháp để có hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 7. Đối với các Ban của Thành ủy

Sở Tư pháp chủ động liên hệ công tác với các Ban của Thành ủy tiếp nhận chỉ đạo của Thành ủy và ý kiến của các Ban về những vấn đề có liên quan đến công tác cán bộ, nội dung định hướng hoạt động của Sở.

Điều 8. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.

2. Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình và kết quả hoạt động của ngành; tham gia các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành.

Khi chỉ đạo hoặc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp phải kịp thời báo cáo và đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Đối với các sở - ngành thành phố

1. Sở Tư pháp quan hệ với các sở - ngành thành phố trên nguyên tắc phối hợp công tác, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan.

2. Các sở - ngành có trách nhiệm thực hiện các quy định liên quan đến công tác tư pháp theo quy định pháp luật.

Điều 10. Đối với các quận - huyện, phường - xã, thị trấn

1. Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện các nội dung về công tác tư pháp theo quy định pháp luật; phối hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương trong phạm vi quản lý của ngành. Chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho các Phòng Tư pháp quận - huyện, Ban Tư pháp phường - xã, thị trấn.

2. Khi cần thiết Sở Tư pháp trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành tại địa phương. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề liên quan đến quận - huyện, Sở Tư pháp cần trao đổi với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Căn cứ vào nội dung của Quy chế này, Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Quy chế làm việc, chương trình công tác, hoạt động của Sở, tổ chức các phòng ban và bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác Tư pháp trên địa bàn thành phố.

Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, của địa phương, có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 12. Khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện
Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa VIII)
về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
(khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 24/CTr-TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Chỉ đạo Nông nghiệp - Nông thôn thành phố tại Tờ trình số 06/TTr-BCĐ ngày 09 tháng 11 năm 2007 về Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa VIII) về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa VIII) về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW

của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có liên quan đến biển, ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố
(khóa VIII) về thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU

Kế hoạch tổ chức thực hiện này xác định nhiệm vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố nhằm thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW Khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phấn đấu góp phần có hiệu quả để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Có cơ chế, chính sách phát huy mọi tiềm lực, thế mạnh vùng biển, ven biển và vị trí chiến lược của thành phố trong mối quan hệ với vùng biển, ven biển Đông Nam bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tập trung xây dựng và phát triển toàn diện các ngành kinh tế biển, đặc biệt là phát triển hệ thống cảng biển, dịch vụ logistics, dịch vụ hàng hải, dịch vụ sửa chữa giàn khoan, công nghiệp đóng tàu, sửa chữa tàu biển, khai thác và chế biến hải sản, phát triển rừng và du lịch biển.

Xây dựng khu đô thị gắn với cảng biển, các khu công nghiệp và dịch vụ; phát triển không gian đô thị phù hợp với điều kiện tự nhiên về thoát nước, bảo vệ môi trường và cơ sở hạ tầng hiện đại kết nối với toàn thành phố và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tạo điều kiện mở rộng không gian đô thị thành phố Hồ Chí Minh ra biển góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia, giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân,

biên phòng toàn dân, an ninh nhân dân, phòng chống xâm nhập, buôn lậu một cách hiệu quả.

3. Cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân vùng biển, ven biển, phấn đấu nâng mức thu nhập bình quân đầu người lên ngang bằng mức thu nhập bình quân chung của thành phố.

4. Bảo vệ môi trường sinh thái vùng biển và ven biển; nâng cao hiệu quả phòng tránh thiên tai, sạt lở.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020

1. Tập trung xây dựng lực lượng võ trang vững mạnh, đủ sức đáp ứng yêu cầu giữ vững quốc phòng, bảo vệ an ninh lãnh hải; đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực, hiệu quả cứu hộ, cứu nạn của bộ đội biên phòng, lực lượng quân sự, công an, bảo đảm an toàn hoạt động của ngư dân, của nhân dân vùng biển, ven biển và các doanh nghiệp sản xuất, khai thác tài nguyên biển.

2. Tập trung xây dựng phát triển toàn diện huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tái bố trí dân cư phù hợp với cơ cấu kinh tế và điều kiện tự nhiên, thành phố cần tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, có cơ chế, chính sách đặc biệt để hỗ trợ, tạo điều kiện cho huyện Cần Giờ và huyện Nhà Bè phát huy vai trò chủ lực trong thực hiện Chiến lược biển của thành phố; thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch, xây dựng các khu tránh bão, động đất, sóng thần; tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng biển và thực hiện có hiệu quả các chương trình trọng điểm về kinh tế - xã hội như: Chương trình phát triển hải sản giai đoạn 2006 - 2010; Chương trình di dời và tái bố trí 1.400 hộ sống ven sông, ven biển có nguy cơ sạt lở; Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở và bố trí lại 5.000 hộ dân; Chương trình nâng cao dân trí và bồi dưỡng nguồn nhân lực; Chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá và giàu; bảo tồn khu dự trữ sinh quyển thế giới Cần Giờ; đầu tư xây dựng các khu tái định cư để di dời dân cư, hướng dẫn nhân dân xây dựng nhà ở phù hợp với điều kiện gió, bão, sóng và quy hoạch, xây dựng các công trình phục vụ công tác phòng, tránh bão, động đất, sóng thần, bảo đảm an toàn đời sống của nhân dân ở vùng biển, ven biển. Phấn đấu nâng mức thu nhập của cư dân vùng biển, ven biển lên ngang bằng mức thu nhập bình quân chung của thành phố; giảm khoảng cách giàu nghèo trong các tầng lớp dân cư.

3. Xây dựng chiến lược phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh vùng biển và ven biển thành phố đến năm 2020, cụ thể:

a) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020; tập trung đẩy nhanh tiến độ quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng quốc phòng - an ninh vùng biển, ven biển thành phố; có kế hoạch, chính sách, giải pháp khả thi để huy động nguồn vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện Chiến lược biển của thành phố.

b) Về xây dựng, phát triển cảng biển, vận tải biển và cơ sở hạ tầng phục vụ Chiến lược biển:

- Kết nối đồng bộ về phát triển không gian xây dựng, hệ thống cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị cảng Hiệp Phước với khu dân cư Bắc Nhà Bè, khu đô thị mới Nam thành phố đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên về địa chất, hệ thống sông rạch, thoát nước, cao độ mặt đất tự nhiên, hài hòa với khu dự trữ sinh quyển thế giới Cần Giờ.

- Quy hoạch, xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống cảng biển, cảng sông khu vực thành phố Hồ Chí Minh gắn với quy hoạch, xây dựng hệ thống Cụm cảng số 5 của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; xây dựng Trung tâm hàng hải và cảng du lịch hiện đại; tích cực tham gia di dời Nhà máy đóng tàu Ba Son, cảng Sài Gòn theo Kết luận của Bộ Chính trị về sơ kết Nghị quyết số 20 ngày 18 tháng 11 năm 2002 của Bộ Chính trị; tập trung nguồn lực đầu tư, kêu gọi đầu tư khu đô thị cảng Hiệp Phước; triển khai thực hiện dự án xây dựng cảng Đồng Đình (xã Cần Thạnh) phục vụ neo đậu, tránh trú bão cho tàu, thuyền đánh cá, tàu du lịch của thành phố và khu vực (quy mô 2.000 tàu). Phấn đấu nâng công suất vận tải hàng hóa của hệ thống cảng khu vực thành phố tăng bình quân 10%/năm, nâng tổng công suất lên 200 triệu tấn vào năm 2020.

- Xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh và hiện đại hệ thống giao thông khu đô thị cảng Hiệp Phước, kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông đường thủy, đường metro, đường sắt vận tải, bảo đảm sự thông suốt trong nội bộ và ra vào khu đô thị cảng. Trước mắt, tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ để hoàn thành vào năm 2010; hoàn thành, mở rộng, nâng cấp tuyến đường Nhà Bè - Cần Giờ, đường Liên tỉnh lộ 25B; hoàn thành dự án xây dựng cầu Bình Khánh và đường cao tốc liên vùng vào năm 2012; nghiên cứu cải tạo, nạo vét và mở rộng luồng Soài Rạp đủ độ sâu để tiếp nhận tàu có trọng tải lớn (50.000 - 60.000 tấn) và tàu khách du lịch vào năm 2009; cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa kết nối với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; hoàn thiện hệ thống tín hiệu hàng hải, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, giao thông công cộng hướng ra biển.

c) Về phát triển đô thị cảng - công nghiệp biển, tập trung mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước và có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để khẩn trương xây dựng khu đô thị cảng - công nghiệp Hiệp Phước (quy mô khoảng 3.600 ha) thành Trung tâm công nghiệp, trong đó có công nghiệp đóng tàu, dịch vụ logistics gắn với cảng biển và vận tải biển tầm cỡ khu vực và quốc tế, nhằm xây dựng Hiệp Phước thành một đô thị cảng văn minh, hiện đại, tạo bước đột phá để phát triển thành phố hướng ra biển.

d) Về phát triển rừng, du lịch biển:

- Tăng cường quản lý chặt chẽ và đầu tư mở rộng khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ; bảo vệ và phát triển hệ động vật, thực vật và bảo vệ môi trường sinh thái vùng biển, ven biển thành một địa chỉ xanh tiêu biểu của quốc gia và quốc tế.

- Đầu tư phát triển du lịch sinh thái Cần Giờ (ven biển Cần Thạnh - Long Hòa và du lịch sinh thái Vàm Sát - Lý Nhơn). Nghiên cứu dự án khu giải trí liên hợp và du lịch đảo ở vị trí thích hợp; triển khai thực hiện dự án lấn biển Cần Giờ để phục vụ cho du lịch.

đ) Về sản xuất, nuôi trồng, đánh bắt hải sản:

- Quy hoạch, phát triển vùng nuôi trồng hải sản (7.000ha) phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy - hải sản để bảo đảm chất lượng sản phẩm phục vụ xuất khẩu; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ mới về sản xuất giống hải sản, rong tảo và các nguồn động, thực vật từ biển; có kế hoạch phát triển các ngành dịch vụ nuôi trồng, khai thác hải sản ven biển và trên biển (giống, thú y, thức ăn, các dịch vụ hậu cần chuyên dùng...). Phát triển vùng sản xuất muối (1.000ha tại xã Thạnh An và xã Lý Nhơn) theo công nghệ sạch, chất lượng cao.

- Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư khai thác và bảo vệ nguồn thủy - hải sản theo kế hoạch của Chính phủ; phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ có trang bị bảo quản sơ chế, chế biến hải sản, cung cấp dịch vụ khai thác, đánh bắt trên biển và dịch vụ nuôi trồng thủy - hải sản, nhằm tăng giá trị sản lượng xuất khẩu.

4. Về phát triển nguồn nhân lực:

+ Có chính sách, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường bổ sung, luân chuyển cán bộ có năng lực cho các địa phương và các sở - ngành có liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quản lý, khai thác và bảo vệ môi trường biển; khuyến khích việc xây dựng các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đào tạo các ngành, nghề biển.

+ Có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật, các chuyên gia và đội ngũ lao động được đào tạo chuyên sâu về các nghề hàng hải, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, nghiên cứu khoa học biển, dịch vụ logistics...; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi ngành nghề cho nhân dân vùng biển và ven biển để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn theo hướng phát triển các loại hình dịch vụ về biển; từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân vùng biển, ven biển của thành phố.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong các tổ chức, các tầng lớp nhân dân thành phố, nhất là cán bộ, nhân dân huyện Cần Giờ và các ngành, các cấp có liên quan đến biển về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chiến lược biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành phố.

2. Trên cơ sở rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng vùng biển, ven biển và quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết, mà xác định các mục tiêu trọng điểm, các dự án ưu tiên và có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư khai thác kinh tế biển, ven biển thành phố.

3. Tập trung đầu tư thỏa đáng cho các lực lượng vũ trang để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao; chủ động xây dựng và phát triển hệ thống cảnh báo, thông tin, liên lạc, xử lý các sự cố ô nhiễm môi trường biển, ven biển; đầu tư trang bị phương tiện, cơ sở vật chất và củng cố đơn vị tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, đối phó kịp thời các sự cố xảy ra trên biển và ven biển.

4. Quy hoạch các khu tránh, trú bão, chủ động bố trí lại dân cư phòng tránh thiên tai ở vùng ven biển. Không để xảy ra tình trạng tự phát trong xây dựng và tổ chức sản xuất làm ảnh hưởng đến quy hoạch chung. Có chính sách hỗ trợ nhân dân vùng biển và ven biển kiên cố hóa nhà ở nhằm hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

Có cơ chế chính sách đảm bảo cho sự phát triển nhanh, bền vững các lĩnh vực liên quan đến biển, cửa biển, ven biển; đặc biệt là phát triển kinh tế - xã hội, khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản; đảm bảo bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn, “khu dự trữ sinh quyển thế giới”; xây dựng hệ thống đê, kè các khu vực thấp, có nguy cơ sạt lở.

5. Tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình, dự án đã được phê duyệt. Tất cả các cơ sở vật chất phục vụ quốc phòng an ninh, kinh tế - xã hội và dân dụng đều phải đảm bảo tính vững chắc, chịu đựng được những sự cố thiên tai, bão, lũ.

6. Tăng cường chỉ đạo, tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện có hiệu quả công tác dự báo, phòng, tránh thiên tai, bão, lụt; xử lý kịp thời các sự cố môi trường, bảo đảm an toàn cuộc sống cho nhân dân vùng biển và ven biển.

7. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương trong công tác quốc phòng, an ninh; điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển, bảo vệ môi trường biển và ven biển; về khoa học công nghệ biển; về phòng, chống và cảnh báo thiên tai, cứu hộ, cứu nạn theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, các cơ quan ngang sở, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè có trách nhiệm rà soát, đánh giá việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến biển, ven biển. Qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm về thành công cũng như những mặt còn hạn chế, thiếu sót.

2. Trên cơ sở quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, Thành ủy và Kế hoạch thực hiện của Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè trực tiếp chỉ đạo xây dựng chương trình hành động cụ thể của ngành, địa phương mình; đồng thời phối hợp, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, định kỳ hàng năm vào giữa quý IV báo cáo kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố. (Đính kèm 47 Chương trình, công trình thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố).

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm điều phối, bảo đảm việc triển khai thực hiện thống nhất kế hoạch thực hiện này, định kỳ vào cuối quý IV tổng hợp báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong quá trình tổ chức triển khai, nếu cần thiết bổ sung, điều chỉnh, các sở - ngành, các địa phương chủ động báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

ĐỀ MỤC

**NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ (KHÓA VIII)
VỀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 09-NQ/TW KHÓA X VỀ CHIẾN LƯỢC BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NỘI DUNG	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện Cần Giờ, Nhà Bè.	1. Xây dựng kế hoạch tổng hợp đầu tư 5 năm, hàng năm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng biển, ven biển thành phố.	Quý III/2008
			2. Lập chương trình, mục tiêu hợp tác quốc tế về biển.	Quý III/2008
2	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	3. Quy hoạch các khu tránh, trú bão cho tàu thuyền hoạt động trên biển, ven biển.	Quý III/2008
			4. Lập đề án di dời xã đảo Thạnh An và những vùng có nguy cơ sạt lở.	Quý II/2008
3	Viện Kinh tế thành phố	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	5. Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, đảo, ven biển, các khu công nghiệp, dịch vụ, vành đai kinh tế, hành lang kinh tế.	Quý II/2008
			6. Rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển.	Quý II/2008

4	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	7. Đánh giá thực trạng tài nguyên, môi trường vùng biển, ven biển thành phố Hồ Chí Minh.	Quý II/2008
			8. Lập đề án xây dựng các trung tâm dự báo, thông tin thời tiết, khí hậu, thủy văn.	Quý II/2008
			9. Lập đề án phòng ngừa, đối phó các sự cố gây ô nhiễm biển, ven biển.	Quý II/2008
5	Sở Giao thông - Công chính	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	10. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế hàng hải (cảng tổng hợp, chuyên dùng, các luồng tuyến, đội tàu, dịch vụ cảng, các trạm trung chuyển...).	Quý III/2008
			11. Lập dự án nâng cấp, cải tạo luồng tuyến sông Soài Rạp - An Nghĩa.	Quý II/2008
			12. Lập đề án xây dựng cảng Thiêng Liêng.	Quý II/2008
			13. Lập dự án cầu, đường giao thông kết nối nhóm cảng số 5, quốc lộ 51 và các đường vành đai.	Quý III/2008
6	Sở Xây dựng	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	14. Lập đề án, thiết kế mẫu kiên cố hóa nhà ở, công trình dân dụng, công trình công cộng, các cơ sở hạ tầng có khả năng chịu đựng thiên tai ở vùng biển, ven biển.	Quý II/2008

7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	15. Lập đề án bảo tồn, nâng cấp và phát triển rừng ngập mặn ven biển.	Quý II/2008
			16. Rà soát, lập đề án xây dựng hệ thống đê, kè chống sạt lở, xói mòn vùng biển, ven biển.	Quý II/2008
			17. Quy hoạch và phát triển chương trình nuôi trồng thủy sản ven biển, trên sông, biển.	Quý II/2008
			18. Tổng kết rút kinh nghiệm và xây dựng chương trình phát triển khai thác hải sản thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.	Quý II/2008
			19. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và quy trình sản xuất muối.	Quý II/2008
			20. Quy hoạch các khu neo đậu tàu thuyền, cảng cá, dịch vụ hậu cần nghề cá.	Quý II/2008
			21. Lập đề án bảo tồn, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản vùng biển ven biển.	Quý II/2008
8	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	22. Lập đề án triển khai nghiên cứu và tổ chức ứng dụng các đề tài, tiến bộ kỹ thuật liên quan phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển.	Quý III/2008
9	Sở Du lịch	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	23. Lập đề án phát triển du lịch sinh thái; du lịch, biển, đảo, khu giải trí liên hợp.	Quý III/2008

10	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	24. Lập dự án khả thi và triển khai thí điểm dự án lấn biển Cần Giờ.	Quý II/2008
11	Sở Nội vụ	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	25. Lập đề án phát triển nguồn cán bộ, chuyên gia về quản lý, khai thác biển, ven biển.	Quý III/2008
			26. Xác lập địa giới hành chính vùng biển, ven biển giáp ranh giữa thành phố và tỉnh Đồng Nai.	Quý II/2008
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	27. Nghiên cứu và lập kế hoạch nhu cầu lao động khai thác biển.	Quý III/2008
			28. Xây dựng đề án tổ chức dạy nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển.	Quý III/2008
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	29. Xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực quản lý, khai thác biển; các chế độ chính sách đảm bảo cho cán bộ, giáo viên công tác trên các đảo và vùng ven biển.	Quý II/2008
14	Sở Văn hóa và Thông tin	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	30. Lập đề án tuyên truyền các Nghị quyết, Chương trình của Trung ương, thành phố về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.	Quý II/2008
			31. Xây dựng đề án nâng cấp Lễ hội Nghinh Ông Cần Giờ thành Lễ hội Văn hóa - Du lịch quy mô cấp thành phố.	Quý II/2008

15	Sở Tư pháp	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	32. Xây dựng đề án tuyên truyền, phổ biến các thông tin về Luật biển, Luật Biên giới quốc gia, các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam là thành viên.	Quý II/2008
16	Sở Bưu chính, Viễn thông	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	33. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng mạng lưới thông tin trên biển, đảo, ven biển.	Quý II/2008
17	Sở Công nghiệp	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	34. Nghiên cứu ứng dụng sản xuất điện từ các nguồn năng lượng mặt trời, gió, sóng biển, thủy triều...	Quý IV/2008
18	Sở Thương mại	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	35. Xây dựng đề án phòng, chống buôn lậu trên sông, biển, cửa biển.	Quý II/2008
			36. Phát triển dịch vụ logistics và các chợ, trung tâm thương mại vùng biển.	Quý II/2008
19	Sở Tài chính	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	37. Xác định tổng vốn và nguồn vốn thực hiện các chương trình, công trình phục vụ chiến lược biển thành phố.	Quý II/2008
20	Sở Y tế	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	38. Lập đề án phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, cơ sở an dưỡng và các chế độ chính sách cho cán bộ y tế phục vụ trên biển, đảo, ven biển.	Quý II/2008
			39. Nghiên cứu các chuyên đề y học về biển.	Quý IV/2008
21	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	40. Lập đề án phát triển các dịch vụ, hậu cần phục vụ nuôi trồng, đánh bắt, tiêu thụ thủy hải sản.	Quý II/2008

22	Bộ đội Biên phòng thành phố	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	41. Triển khai lực lượng biên phòng toàn dân, kết hợp quốc phòng - kinh tế biển.	Quý II/2008
23	Công an thành phố	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	42. Lập đề án bảo đảm trật tự, trị an cho các thành phần kinh tế sinh sống và hoạt động trên biển, ven biển.	Quý II/2008
24	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	43. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc vùng biển, đảo, ven biển.	Quý II/2008
			44. Lập đề án xây dựng khu vực dành riêng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vùng biển, ven biển.	Quý II/2008
25	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố.	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	45. Lập đề án xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn, sẵn sàng ứng phó, khắc phục các sự cố xảy ra trên biển, đảo, ven biển.	Quý II/2008
26	Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	46. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chi tiết và triển khai thực hiện khu đô thị - cảng - công nghiệp Hiệp Phước hiện đại.	Quý II/2008
27	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Các sở - ban - ngành liên quan và các địa phương	47. Lập đề án phát triển toàn diện, vững chắc trên tất cả các lĩnh vực ở vùng biển, cửa biển, ven biển trên địa bàn huyện Cần Giờ.	Quý II/2008

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

QUẬN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2008/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 18 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về giao chỉ tiêu bổ sung dự toán ngân sách phường năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 16 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với các phường - xã, thị trấn; Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với các quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 15/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 9 về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách phường năm 2008;

Xét Tờ trình số 22/TTr-TCKH ngày 17 tháng 3 năm 2008 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc bổ sung dự toán ngân sách phường năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bổ sung chỉ tiêu dự toán kinh phí thực hiện chế độ tự chủ năm 2008 cho Ủy ban nhân dân 13 phường (kèm theo phụ lục).

(Kinh phí hành chính đối với các phường - xã, thị trấn là 37.000.000 đồng/người/năm áp dụng chung cho cán bộ chuyên trách, công chức và cán bộ không chuyên trách theo Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Điều 2. Sau khi nhận được chỉ tiêu bổ sung dự toán ngân sách năm 2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường kịp thời phân bổ dự toán bổ sung nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội trong năm 2008 theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 60/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 9, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường, Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

**BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ
THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ KHỐI PHƯỜNG NĂM 2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2008)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN PHƯỜNG	Dự toán kinh phí thực hiện tự chủ năm 2008 (mức cũ)			TỔNG CỘNG	Dự toán kinh phí thực hiện tự chủ năm 2008 (mức mới)			TỔNG CỘNG	Bổ sung chênh lệch
		Chuyên trách công chức	Không chuyên trách công chức	Cán bộ tăng cường		Chuyên trách công chức	Không chuyên trách công chức	Cán bộ tăng cường		
01	Phước Long A	670,0	506	44	1.220	740	814	54	1.608	388
02	Phước Long B	804,0	506	44	1.354	888	814	54	1.756	402
03	Tăng Nhơn Phú A	737,0	506	44	1.287	777	814	108	1.699	412
04	Tăng Nhơn Phú B	703,5	506	0	1.210	777	814	0	1.591	382
05	Hiệp Phú	737,0	506	44	1.287	814	814	54	1.682	395
06	Tân Phú	670,0	506	44	1.220	740	814	54	1.608	388
07	Phước Bình	703,5	506	44	1.254	777	814	54	1.645	392
08	Phú Hữu	603,0	506	44	1.153	629	814	108	1.551	398
09	Trường Thạnh	603,0	506	44	1.153	666	814	54	1.534	381
10	Long Thạnh Mỹ	670,0	506	44	1.220	740	814	54	1.608	388
11	Long Trường	603,0	506	44	1.153	666	814	54	1.534	381
12	Long Bình	703,5	506	44	1.254	777	814	54	1.645	392
13	Long Phước	636,5	506	0	1.143	666	814	54	1.534	392
TỔNG CỘNG		8.844	6.578	484	15.906	9.657	10.582	756	20.995	5.089

HUYỆN HỌC MÔN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2008/CT-UBND

Hóc Môn, ngày 26 tháng 3 năm 2008

CHỈ THỊ

Về việc tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên từ năm 1996 đến 2008

- Thực hiện Chỉ thị số 11/2008/CT-UBND-M ngày 10 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Hướng dẫn số 470/HD-BCH ngày 11 tháng 3 năm 2008 của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố về hướng dẫn tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ (1996 - 2008).

- Để rút kinh nghiệm trong thời gian thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên và công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch huấn luyện hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên nhằm có hướng chỉ đạo thực hiện tốt hơn trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở địa phương, cơ sở xã - thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chỉ thị:

1. Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp tổ chức tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên để đánh giá việc thực hiện từ năm 1996 - 2008 nêu những thuận lợi, khó khăn, đề ra những biện pháp khắc phục thiếu sót, tồn tại trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn. Ủy ban nhân dân huyện chọn xã Tân Hiệp và xã Xuân Thới Thượng tổ chức làm điểm để rút kinh nghiệm.

2. Giao Ban Chỉ huy Quân sự huyện phối hợp các ban - ngành, đoàn thể hướng dẫn nội dung tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên, để các xã - thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp tổ chức tổng kết đúng theo nội dung yêu cầu của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố. Thời gian cấp xã - thị trấn tổ chức trước ngày 15 tháng 4 năm 2008; cấp huyện trước ngày 15 tháng 6 năm 2008.

3. Việc tổ chức Hội nghị tổng kết đối với xã - thị trấn do Chủ tịch Ủy ban nhân

dân xã - thị trấn chủ trì. Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn phối hợp với các ban - ngành, đoàn thể xây dựng báo cáo đảm bảo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của Ban Chỉ huy Quân sự huyện. Đối với cơ quan, doanh nghiệp do Thủ trưởng, Giám đốc chủ trì, Ban Chỉ huy Quân sự cơ sở làm tham mưu xây dựng báo cáo.

4. Đề Hội nghị tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên được tiến hành chu đáo, chặt chẽ đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực đúng thời gian quy định. Ủy ban nhân dân huyện giao Ban Chỉ huy Quân sự huyện theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo chặt chẽ và báo cáo kết quả cho thường trực Huyện ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tiến

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng